TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16-3-2023
"v/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông Nguyễn Văn Chất

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thà và bà Dương Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Ông Nguyễn Văn Tưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 391/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Phạm NA, sinh năm 1985; Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn P, sinh năm 1955; Nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin vắng mặt. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quan điểm đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị H trình bày: Chị và anh Phạm NA tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương ngày 06/6/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị đã xảy ra mâu thuẫn do anh NA

thường xuyên chơi bời cờ bạc, lô đề. Chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh NA không nghe. Những năm về sau này, anh NA càng chơi bời cờ bạc nhiều hơn. Cuối năm 2020, anh NA đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Đến đầu năm 2021, chị cũng đi Đài Loan làm việc. Khi sinh sống và làm việc bên Đài Loan, vợ chồng chị vẫn thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng nên tháng 6/2022 chị đã về Việt Nam. Còn anh NA vẫn sinh sống và lao động tại Đài Loan từ đó đến nay. Từ khi chị về nước, vợ chồng không còn liên lạc với nhau và sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm NA.

Về con chung: Vợ chồng chị có 04 con chung là Phạm Thị Ngọc A, sinh ngày 27/02/2012; Phạm Thị Thu H, sinh ngày 16/5/2013; Phạm Thị Bích N, sinh ngày 09/11/2015 và Phạm Tiến Đ, sinh ngày 09/4/2017. Hiện nay các con đều đang ở với chị. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ánh và cháu H; giao cháu N và cháu Đ cho anh NA nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do chị H không cung cấp được địa chỉ của anh NA ở Đài Loan nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh NA. Ông Phạm Văn P (là bố đẻ anh NA) trình bày: Ông không biết địa chỉ cụ thể của anh NA ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh NA vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh NA biết. Quan điểm của anh NA như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay xảy ra cãi nhau. Năm 2020, anh đi Đài Loan làm việc. Vài tháng sau, chị H cũng sang Đài Loan. Quá trình chung sống, làm việc ở Đài Loan, hai vợ chồng anh chị vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Tháng 6/2022, chị H về nước trước, còn anh vẫn ở lại Đài Loan làm việc. Anh xác định vợ chồng không thể giải quyết được mâu thuẫn, vợ chồng anh đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, nay chị H xin ly hôn, anh nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng anh có 4 con chung là Phạm Thị Ngọc A, sinh ngày 27/02/2012; Phạm Thị Thu H, sinh ngày 16/5/2013; Phạm Thị Bích N, sinh ngày 09/11/2015 và Phạm Tiến Đ, sinh ngày 09/4/2017. Khi ly hôn, anh xin được nuôi hai cháu là N và Đ, giao hai cháu là Ánh và H cho chị H nuôi dưỡng. Do hiện nay anh đang ở nước ngoài nên anh ủy quyền cho bố anh là ông Phạm

Văn P thay anh chăm sóc, nuôi dưỡng các con đến khi anh về nước. Anh và chị H cùng nuôi con nên hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do điều kiện anh không thể về Việt Nam để giải quyết việc ly hôn với chị H nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Phạm Văn P có quan điểm: Trong thời gian anh Ngọc A không ở Việt Nam, ông đồng ý nhận ủy quyền của anh Ngọc A về việc chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu Phạm Thị Bích N và Phạm Tiến Đ, đồng thời ông đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị H ly hôn anh Phạm Ngọc A. Về con chung: Giao hai con chung là Phạm Thị Ngọc A, sinh ngày 27/02/2012 và Phạm Thị Thu H, sinh ngày 16/5/2013 cho chị Hoàng Thị H trực tiếp nuôi dưỡng; giao hai con chung là Phạm Thị Bích N, sinh ngày 09/11/2015 và Phạm Tiến Đ, sinh ngày 09/4/2017 cho anh Phạm NA trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con chung tròn 18 tuổi. Chị Hoàng Thị H và anh Phạm NA không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Tạm giao hai con chung Phạm Thị Bích N và Phạm Tiến Đ cho ông Phạm Văn P chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh NA không có mặt tại Việt Nam. Về án phí: Chị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Phạm NA hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh tại thôn H, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh NA ở nước ngoài. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu nhưng gia đình anh NA đều

trình bày không biết địa chỉ cụ thể của anh NA ở Đài Loan. Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho ông Phạm Văn P là bố đẻ của anh NA để ông P thông tin lại cho anh NA biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh NA. Đồng thời Tòa án cũng tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, chị H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, thông qua gia đình anh NA và ông Phạm Văn P cũng có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Hoàng Thị H và anh Phạm NA kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương vào ngày 06/6/2011 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị đã thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H trình bày là do anh NA chơi bời cờ bạc, lô đề, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh NA không nghe. Còn theo anh NA trình bày thì nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên hay xảy ra cãi nhau. Năm 2020, anh NA đi lao động tại Đài Loan. Đến năm 2021, chị H cũng đi Đài Loan. Thời điểm này, hai anh chị vẫn thường xuyên xảy ra cãi nhau. Tháng 6/2022, chị H về Việt Nam, còn anh NA vẫn ở lại Đài Loan. Từ khi chị H về nước, hai anh chị không còn liên lạc với nhau. Nay chị H và anh NA đều xác định mâu thuẫn của hai anh chị đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, chị H có đơn xin ly hôn, anh NA đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh NA đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị H được ly hôn anh NA là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về quan hệ con chung:* Chị Hoàng Thị H và anh Phạm NA có 04 con chung là Phạm Thị Ngọc A, sinh ngày 27/02/2012; Phạm Thị Thu H, sinh ngày 16/5/2013; Phạm Thị Bích N, sinh ngày 09/11/2015 và Phạm Tiến Đ, sinh ngày 09/4/2017. Khi ly hôn, chị H và anh NA đều có quan điểm giao cháu Ánh và cháu H cho chị H nuôi dưỡng; giao cháu N và cháu Đ cho anh NA nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Hiện anh NA đang ở nước ngoài nên ủy quyền cho ông Phạm Văn P thay anh chăm sóc các con chung cho đến khi anh về nước. Ông P đồng ý nhận ủy quyền của anh NA về việc nuôi dưỡng cháu N và cháu Đ. Xét thấy, thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật, do vậy cần chấp nhận thỏa thuận của chị H và anh NA. Tạm giao cháu Phạm Thị Bích N và Phạm Tiến Đ cho ông

Phạm Văn P chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh NA không có mặt tại Việt Nam.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Hoàng Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị H về các vấn đề sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị H ly hôn anh Phạm NA.

1.2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Hoàng Thị H được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung là Phạm Thị Ngọc A, sinh ngày 27/02/2012 và Phạm Thị Thu H, sinh ngày 16/5/2013; giao cho anh Phạm NA được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung là Phạm Thị Bích N, sinh ngày 09/11/2015 và Phạm Tiến Đ, sinh ngày 09/4/2017 kể từ khi ly hôn cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Chị Hoàng Thị H và anh Phạm NA không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Tạm giao con chung Phạm Thị Bích N và Phạm Tiến Đ cho ông Phạm Văn P chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh NA không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Hoàng Thị H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền số AA/2021/0003603 ngày 19 tháng 12 năm 2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Anh Phạm NA vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Ông Phạm Văn P vắng mặt có quyền kháng cáo

phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương;
- UBND xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chất